TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH X	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lưu Thị Mỹ Linh;
- Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh X tham gia phiên tòa: Ông Chau Pholy, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST- HNGĐ ngày 28/7/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Neáng Út K, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 01, ấp Phước Bình, xã Ô Lâm, huyện N, tỉnh X (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn*: Ông Chau Sóc Kh, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Tổ 01, ấp Phước Bình, xã Ô Lâm, huyện N, tỉnh X, nơi cư trú: Tổ 02, ấp Trung An, xã Lê Trì, huyện N, tỉnh X (vắng mặt).

Người phiên dịch: Ông Kim Seng, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp Phnôm Pi, xã Châu Lăng, huyện N, tỉnh X (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24 tháng 10 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bà Neáng Út K trình bày:

Về hôn nhân: Bà K và Ông Kh xác lập quan hệ hôn nhân năm 2012, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn, sau khi cưới thì vợ chồng chung sống tại ấp Phước Bình, xã Ô Lâm, huyện N, tỉnh X. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên thường cãi vã, Ông Kh chơi ma túy đá về chửi mắn, kiếm chuyện đánh đập bà, Ông Kh bỏ nhà về cha mẹ ruột sống, vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy, vợ chồng không còn tình cảm nên Bà Neáng Út K yêu cầu được ly hôn với Ông Chau Sóc Kh.

Về con chung: Có 02 đứa con chung, tên Chau Chanh Thi, sinh ngày 13/6/2016 và Chau Thia, sinh ngày 04/10/2020. Hiện các con đang sống với Bà K, Bà K yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết Ông Chau Sóc Kh vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến, lời khai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và Ông Kh xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa Bà K và Ông Kh xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nên vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay, theo biên bản xác minh ngày 13/6/2023 cho thấy Ông Kh không chung sống với Bà K từ tháng 5 năm 2022 đến nay, điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Neáng Út K đối với Ông Chau Sóc Kh.

Về con chung: Có 02 đứa con chung, Chau Chanh Thi, sinh ngày 13/6/2016 và Chau Thia, sinh ngày 04/10/2020. Hiện các con đang sống với Bà

K, Bà K yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Ông Kh cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, từ khi ly thân đến nay Bà K luôn đảm bảo việc nuôi 02 đứa con, nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con của Bà K là hợp lý, đề nghị chấp nhận. Bà K không yêu cầu Ông Kh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, Ông Chau Sóc Kh vắng mặt, nguyên đơn Bà Neáng Út K có đơn xin vắng mặt, Bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Ông Chau Sóc Kh đã được Tòa án nhân dân huyện N triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Bà Neáng Út K có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Ông Chau Sóc Kh có đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 01, ấp Phước Bình, xã Ô Lâm, huyện N, tỉnh X, cư trú: Tổ 02, ấp Trung An, xã Lê Trì, huyện N, tỉnh X. Tòa án nhân dân huyện N thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà K và Ông Chau Sóc Kh xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình chung sống giữa Bà K và Ông Kh xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, Ông Kh không chí thú làm ăn, kiếm chuyện đánh đập Bà K, Ông Kh bỏ nhà về cha mẹ ruột sống nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, theo biên bản xác minh ngày 13/6/2023 cho thấy Ông Kh không chung sống với Bà K từ tháng 5 năm 2022 đến nay, điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Neáng Út K đối với Ông Chau Sóc Kh là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 đứa con chung, Chau Chanh Thi, sinh ngày 13/6/2016 và Chau Thia, sinh ngày 04/10/2020. Hiện các con đang sống với Bà

K, Bà K yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Ông Kh cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, từ khi ly thân đến nay Bà K luôn đảm bảo việc nuôi 02 đứa con, nên việc giao con cho Bà K tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý. Bà K không yêu cầu Ông Kh cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Neáng Út K khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Ông Chau Sóc Kh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 227; Điều 228; Điều 217; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Neáng Út K đối với Ông Chau Sóc Kh. Bà Neáng Út K được ly hôn với Ông Chau Sóc Kh.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66/2014, quyển số 01/2014, ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm, huyện N, tỉnh X không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Neáng Út K được nuôi 02 con chung Chau Chanh Thi, sinh ngày 13/6/2016 và Chau Thia, sinh ngày 04/10/2020.

Bà Neáng Út K cùng các thành viên gia đình không được cản trở Ông Chau Sóc Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Neáng Út K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009898 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Bà Neáng Út K đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh X;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Đoàn Văn Hùng